

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (224325) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **B106**

Đ: 21
H: 1

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Mã nhận dạng: 002520

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Ngô Việt Khoa</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Vũ T. Hiền</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Tuyết Hoa</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Phương Linh</i>
--	---------------------------------------	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240091	TRẦN THỊ KIM ANH	01/01/2002	CCQ2024D		172	<i>Kim Anh</i>	7.4	6.7	7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120240066	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/12/2002	CCQ2024C		249	<i>Thu Hà</i>	6.7	4.5	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120240100	BÙI CÔNG HẬU	18/12/2002	CCQ2024D		326	<i>Hau</i>	5.0	5.4	5.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121240126	VÕ THÚY HIỀN	26/10/2003	CCQ2124E		497	<i>Hiền</i>	9.5	7.2	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121240008	HỒ THỊ HOÀI	08/04/2001	CCQ2124A		172	<i>Hoài</i>	9.0	6.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2120240102	ĐỖ THIÊN HUY	23/07/2002	CCQ2024D		249	<i>Thiên Huy</i>	8.6	7.0	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2119240008	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	17/05/2001	CCQ1924A		497	<i>Huyền</i>	8.5	4.3	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120240208	TRẦN NGUYỄN MINH KHÔI	05/01/2002	CCQ2024C		326	<i>Khôi</i>	5.0	6.0	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120240106	TRẦN NGUYỄN HOÀNG LINH	01/09/2002	CCQ2024D		249	<i>Linh</i>	9.5	8.2	8.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122240002	HỒ NGUYỄN KIỀU MỸ	09/11/1998	CCQ2224A		172	<i>Kieu My</i>	7.0	6.8	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120240071	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NAM	01/08/2002	CCQ2024C		497	<i>Nam</i>	7.9	8.2	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120240132	THẬP NỮ KIM NGÂN	14/02/2002	CCQ2024E		326	<i>Kim Ngan</i>	7.6	3.4	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120240223	ĐỖ THỊ TUYẾT NHI	07/09/2002	CCQ2024G		172	<i>Nhi</i>	7.3	5.2	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121240038	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	07/04/2003	CCQ2124B		249	<i>Yen Nhi</i>	9.9	6.8	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121240048	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	07/08/2003	CCQ2124B		326	<i>Nhung</i>	8.5	6.5	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120240075	KIỀU NỮ ĐIỂM QUỲNH	08/07/2002	CCQ2024C				0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121240040	CHÂU THỊ KIM THOA	10/09/2003	CCQ2124B		497	<i>Kim Thoa</i>	9.6	6.3	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120240080	TRƯƠNG THỊ THU THÙY	07/01/2002	CCQ2024C		172	<i>Thuy</i>	9.3	4.5	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2118240413	NGUYỄN VŨ ANH THƯ	26/08/2000	CCQ1824F		249	<i>Thu</i>	8.8	6.5	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120240081	LÊ THỊ KIM TRANG	18/04/2002	CCQ2024C		172	<i>Trang</i>	8.4	6.0	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (224325) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **12/01/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **B106**

Mã nhận dạng: 002520

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 22.....

Số bài thi: 22.....

Số tờ giấy thi: 22.....

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i> Ngô Việt Khoa	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i> Vũ T. Hiền	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i> Nguyễn Thị Công Mỹ	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i> Nguyễn Thị Phương Linh
---	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120240119	HỒ THỊ THANH	TUYỀN	27/05/2002	CCQ2024D	497	<i>[Signature]</i>	5.0	4.1	4.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120240088	VÕ THỊ	VÂN	16/01/2002	CCQ2024C	326	<i>[Signature]</i>	9.4	6.0	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121240025	NGÔ THỊ HỒNG	XUYẾN	30/12/2003	CCQ2124A	249	<i>[Signature]</i>	9.2	5.1	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)